TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/ DS -ST
Ngày: 30/9/2025
V/v "Tranh chấp xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của người phải thi hành án dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Trần Quang Huấn

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Ngô Duy Long - Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2025/TLST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của người phải thi hành án" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1968 (ông H ủy quyền cho bà H1 đại diện tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Khu T, xã L (thị trấn L, huyện L cũ), tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu P, xã L (thị trấn L, huyện L cũ), tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Diên Q, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu P, xã L (thị trấn L, huyện L cũ), tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

+ Ngân hàng N Chi nhánh L3, Phú Thọ ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc chi

nhánh L3, Phú Thọ. (vắng mặt)

+ Thi hành án dân sự tỉnh P ;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Y, chức vụ: Trưởng THADS tỉnh P

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hà Tuấn A, chấp hành viên sơ cấp Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu H1 – nguyên đơn (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của của ông H) trình bày:

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 24/2020/DS-PT ngày 19/5/2020 của TAND tỉnh Phú Thọ đã buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Nguyễn Hữu Hợp S tiền tính đến ngày 22/11/2019 là 906.318.000đ (trong đó nợ gốc là 648.000.000đ; nợ lãi là 258.318.000đ). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông H và bà H1 đã có đơn yêu cầu thi hành án để đề nghị Cơ quan thi hành án thi hành bản án nêu trên đối với chị L. Ngày 03/6/2020, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã có quyết định thi hành án số 40/QĐ-CCTHADS để buộc chị L phải có nghĩa vụ thi hành bản án nêu trên. Tuy nhiên, từ đó đến nay chị L không thực hiện nghĩa vụ thi hành án là trả tiền cho vợ chồng bà H1, ông H theo quyết định của bản án. Quá trình thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự huyện L đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của chị L và xác định: chị L có chung quyền sở hữu tài sản với chồng là anh Lê Diên Q đối với thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 (đất ở) tại khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang thế chấp tại Ngân hàng N1 &PTNT chi nhánh huyện L3). Ngày 26/6/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao có thông báo số 295/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Theo thông báo này thì Cơ quan thi hành án thông báo cho chị L và anh Q có quyền thỏa thuận phân chia tài sản hoặc khởi kiện tại Tòa án để giải quyết tranh chấp đối với quyền sử dụng đất nêu trên. Chị L và anh Q không có thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của chị L và cũng không khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền theo hướng dẫn của cơ quan thi hành án. Ngày 18/3/2025, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao tiếp tục có thông báo số 105/TB-THADS về việc thực hiện quyền khởi kiện phân chia tài sản chung và thừa kế để đảm bảo thi hành án. Theo thông báo này thì Cơ quan thi hành án đã hướng dẫn bà H1, ông H khởi kiện để xác định phần tài sản cuả chị L trong khối tài sản chung với anh Lê Diên Q.

Ông H, bà H1 đề nghị xác định phần tài sản của chị L trong khối tài sản chung

của chị L, anh Q đối với thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tịch 100m^2 (đất ở) tại khu L, thị trấn L (nay là xã L) tỉnh Phú Thọ. (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Lê Diên Q bà chị Nguyễn Thị L do UBND huyện L cấp ngày 15/9/2008) để đảm bảo thi hành án theo quyết định tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24 ngày 15/9/2020 của TAND tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L (bị đơn) trình bày (BL 31):

Tại Bản án của Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ, chị L còn nợ bà H1 và ông Hợp số tiền 908.318.000đ. Nay ông H, bà H1 khởi kiện đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng chị là thửa đất số 648 tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 tại khu L để cưỡng chế thi hành án đối với khoản nợ của chị. Chị L có quan điểm như sau: tài sản trên chị đang thế chấp tại Ngân hàng N1 chi nhánh L3 để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng nên không có cơ sở để đề nghị chia tài sản.

Đối với khoản nợ của bà H1, chị L xin tự thỏa thuận với bà H1 để giải quyết tránh việc phải thi hành án.

Ông Hạ Tùng L1 - Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày:

Ngày 13/03/2020 gia đình ông Lê Diên Q có nhu cầu vay vốn và có phương án sử dụng vốn phục vụ đời sống cho nhu cầu chung của các thành viên trong hộ gia đình gửi tới A1 Chi nhánh huyện L. Sau khi thẩm định A1 Chi nhánh huyện L và khách hàng là ông Lê Diên Q, người đại diện theo ủy quyền ngày 13/03/2020 đã thỏa thuận ký hợp đồng vay vốn số tiền là 1.060.000.000đ (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 2703LAV202000467 ngày 13/03/2020. Thời hạn cho vay là: 84 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm cấp tín dụng: 12,5%/ năm; Lãi suất nợ quá hạn = 120% lãi vay trong hạn; Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán tiền xây dựng nhà ở, mua sắm vật dụng sinh hoạt (theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 13/03/2020). Toàn bộ số tiền vay 1.060.000.000đ đã được giải ngân đủ cho ông Lê Diên Q vào ngày 13/03/2020. Biện pháp bảo đảm (Tài sản bảo đảm của khoản vay) gồm: Bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AN573772/2020/HĐTC ngày 13/03/2020 - Bên bảo đảm tài sản: Ông Lê Diên Q và Bà Nguyễn Thị L. - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sốAN573772/2020/HĐTC ngày 13/03/2020 đã ký giữa A1 Chi nhánh huyện L với ông Lê Diên Q và Bà Nguyễn Thị L. - Tên tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 573772 do UBND huyện L cấp ngày 15/9/2008; số thửa đất 648, tờ bản đồ số 20, số vào sổ cấp giấy H22413; diện tích 100 m^2. Trong đó, đất ở tại đô thị: 100 m^2, tài sản gắn liền với đất là nhà ở xây 03 tầng kèm công trình phụ khép kín diện tích 280m^2 cùng toàn bộ cây cối hoa màu và các công trình khác trên đất. Địa chỉ tài sản: Khu L, TT L, huyện L, tinh P. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký

quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Phú Thọ ngày 13 tháng 03 năm 2020.

Việc vi phạm nghĩa vụ: Trong quá trình vay, ông Q và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã khởi kiện ông Q, bà L đến Tòa án; Tại quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 12/2025/QĐST-DS ngày 04/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, các bên đã thỏa thuận xác nhận đến ngày 14/3/2025 ông Q bà L còn phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 708.000.000đ; 204.517.970đ tiền lãi và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực hiện hết nghĩa vụ nợ; cùng với đó là thống nhất phương án trả nợ của ông bà Q Luyến cho Ngân hàng; Đến nay ông bà Quyền L2 vẫn không thực hiện phương án trả nợ theo phương án tại quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 12/2025/QĐST-DS nên A1 chi nhánh L3 đã đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ (theo quyết định thi hành án theo yêu cầu số 421/QĐ-CCTHADS ngày 09/6/2025). Tính đến ngày 05/09/2025 số tiền gốc, lãi mà ông Lê Diên Q và là Nguyễn Thị L còn phải trả cho A1 Chi nhánh L tổng số tiền 964.253.639đ. Nay ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung, A1 chi nhánh L có ý kiến như sau:

1. Các tài sản của ông Q, bà L đã thế chấp tại A1 chi nhánh L là hợp pháp, hợp lệ, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Pháp luật để đảm bảo cho khoản vay theo HĐTD số 2703LAV202000467 ngày 13/03/2020 được ký kết giữa ông Lê Diên Q, bà Nguyễn Thị L và A1 chi nhánh L; cả ông Q và bà L đều có trách nhiệm trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

2. Việc phân chia hoặc xác định quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của A1 chi nhánh L, trong thường hợp ông bà Q, L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nợ và Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm chỉ được thực hiện phân chia nghĩa vụ cho các bên có liên quan sau khi thực hiện trả toàn bộ nghĩa vụ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2703LAV202000467 ngày 13/03/2020 đã ký kết giữa ông Lê Diên Q, bà Nguyễn Thị L với A1 chi nhánh L.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Tuấn A – đại diện theo ủy quyền của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ trình bày:

Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao (cũ) có nhận được đơn đề nghị thi hành án của ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với bà Nguyễn Thị L theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm số 24/2020/DS-PT ngày 19/5/2020

của TAND tỉnh Phú Thọ. Ngày 03/6/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu số 09/QD-CCTHADS. Trong quá trình thi hành án, xác định bà Nguyễn Thị L có tài sản trong khối tài sản chung cùng chồng (ông Lê Diên Q) là quyền sử dụng đất số AN 573772, do UBND huyện L cấp ngày 15/9/2008 thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2, địa chỉ: khu L, thị trấn L, huyện L (nay là khu L, xã L) tỉnh Phú Thọ; Tài sản trên đất (gồm nhà và kết cấu liền nhà).

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thi hành án, cố tình chây ỳ, trốn tránh thi hành án. Ngày 03/6/2024, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã ra quyết định về việc cưỡng chế, kê biên xử lý tài sản đối với tài sản trên của bà L. Ngày 26/6/2024, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã có thông báo số 295/TB-THADS cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Diên Q v/v xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án; ngày 31/10/2024 đã ban hành thông báo số 484/TB – CCTHADS v/v thực hiện quyền khởi kiện phân chia tài sản chung và thừa kế đảm bảo thi hành án đối với tài sản chung của bà L và ông Q.

Nay ông H và bà H1 khởi kiện là hoàn toàn phù hợp. Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà Nguyễn Thị L để cơ quan thi hành án dân sự làm cơ sở giải quyết thi hành án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng ông Lê Diên Q không đến Tòa án để trình bày quan điểm vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ông Lê Diên Q và bà Nguyễn Thị L không tham gia phiên tòa và phiên hòa giải là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, 34, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 74 Luật thi hành án dân sự; Khoản 12 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 68, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1; Xác định bà Nguyễn Thị L có quyền sử dụng ½ tài sản là thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 (mục đích sử dụng: đất ở đô thị) tại khu L, thị trấn L, huyện L (nay là xã L) tỉnh Phú Thọ; Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở xây 03 tầng kèm công trình phụ khép kín.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về điều kiện khởi kiện:

Ngày 03/6/2024, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã ra quyết định về việc cưỡng chế, kê biên xử lý tài sản đối với tài sản của bà L là thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 (mục đích sử dụng: đất ở đô thị) tại khu L, thị trấn L, huyện L (nay là xã L) tỉnh Phú Thọ; Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở xây 03 tầng kèm công trình phụ khép kín; Ngày 26/6/2024, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao đã có thông báo số 295/TB-THADS cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Diên Q v/v xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án; Ngày 31/10/2024 Chi cục THADS huyện L đã ban hành thông báo số 484/TB – CCTHADS v/v thực hiện quyền khởi kiện phân chia tài sản chung và thừa kế đảm bảo thi hành án đối với tài sản chung của bà L và ông Q.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất trên được xác định là của ông Lê Diên Q và bà Nguyễn Thị L, vì vậy ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung vợ chồng. Căn cứ Khoản 12 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của người phải thi hành án dân sự".

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn (chị L) có nơi cư trú tại khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu P, xã L, tỉnh Phú Thọ); căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ (Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao cũ trước sáp nhập).

[1.4]. Thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo nhiều lần nhưng ông Lê Diên Q không đến Tòa án trình bày quan điểm; bà H1 có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, ông Q, bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa; ông L1 (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N1 chi nhánh L3, ông Hà Tuấn A (đại diện theo ủy quyền Thi hành án dân sự tỉnh P), ông H và bà H1 (do bà H1 đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1 đề nghị xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét về tài sản chung của người phải thi hành án bà Nguyễn Thị L

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Lê Diên Q và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng. Thửa đất số 648 tờ bản đồ số 20 diện tích 100m^2 (đất ở tại đô thị) tại khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là khu P, xã L, tỉnh Phú Thọ) được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận số AN573772 ngày 15/9/2008 cho ông Lê Diên Q và bà Nguyễn Thị L; nguồn gốc sử dụng đất do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mặc dù bà L và ông Q không đến Tòa án để trình bày nội dung vụ việc nhưng qua xác minh thẩm định, khu dân cư cung cấp thông tin, sau khi được giao đất, vợ chồng ông Q và bà L xây dựng nhà trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy cần xác nhận đây là tài sản chung vợ chồng hợp nhất của ông Lê Diên Q và bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Xét về quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án đối với tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q, bà L không có ý kiến gì về công sức đóng góp, tạo lập tài sản và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về công sức đóng góp của mỗi người trong việc tạo lập, duy trì, tôn tạo khối tài sản chung. Vì vậy, xác định công sức đóng góp của ông Q và bà L là ngang nhau. Ông Q, bà L mỗi người được quyền sử dụng ½ quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và sở hữu và ½ ngôi nhà và công trình phụ liền nhà là phù hợp.

Đối với phần tài sản là mái tôn le trước nhà và một phần công trình phía sau nhà xây dựng ra ngoài phần đất công cộng, đất lưu không (không nằm trên diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), HĐXX không xem xét phân chia giải quyết.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về tài sản trên đang thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của ông Q, bà L: xét thấy việc xác định quyền sở hữu, sử dụng của người có tài sản là ông Q, bà L không ảnh hưởng đến việc ông bà cùng phải thực

hiện các nghĩa vụ tại hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng và không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thi hành án dân sự đối với khoản nợ vay của ngân hàng, vì vậy HĐXX xác định quyền sở hữu tài sản của mỗi bên là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 4.800.000đ, bà Nguyễn Thị Thu H1 tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng. Xác bà H1 đã nộp đủ chi phí.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, 34, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 74 Luật thi hành án dân sự

Khoản 12 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1, Đ b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu H1

Xác định bà Nguyễn Thị L có quyền sử dụng ½ thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 (mục đích sử dụng: đất ở đô thị) tại khu L, thị trấn L, huyện L (nay là xã L) tỉnh Phú Thọ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 573772, do UBND huyện L cấp ngày 15/9/2008 mang tên ông Lê Diên Q và bà Nguyễn Thị L; Bà Nguyễn Thị L có quyền sở hữu ½ tài sản gắn liền với thửa đất trên là 01 nhà ở xây 03 tầng kèm công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 648, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2.

Về chi phí tố tụng: Xác nhận bà Nguyễn Thị Thu H1 tự nguyện chịu chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn). Bà H1 đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa số 0000849 ngày 25/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
VKSND tỉnh Phú Thọ
VKSND khu vực 2-Phú Thọ;
- Đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (phòng THADS khu vực 2- Phú Thọ);
- Lưu HS
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan